

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST

Ngày: 05/4/2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;
2. Bà Nguyễn Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thụ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2018/TLST-KDTM ngày 17/9/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-KDTM ngày 20/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-KDTM ngày 19/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ A

Trụ sở: 6/1A tổ 2, khu phố M, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Duy T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 62/4A đường G, Phường F, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn – có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu B

Trụ sở: 4/5 (số mới 1133/1) đường K, khu phố 4, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1988 - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 03/5/2018, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ A (gọi tắt là Công ty A) có đặt mua hàng qua điện thoại của Công ty trách

nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất Nhập Khẩu B (gọi tắt là Công ty B) để mua thép cây cụ thể: Vuông 100 x 5ly x 5 cây; Vuông 75 x 5ly x 2 cây. Sau đó Công ty B đã báo giá qua điện thoại với tổng số tiền hàng là 11.070.750 đồng và yêu cầu trả trước bằng hình thức chuyển khoản. Ngày 03/5/2018 đã lập phiếu ủy nhiệm chi và đã chuyển cho Công ty B số tiền mua hàng 11.070.750 đồng, thế nhưng sau đó Công ty B báo lại là không có hàng để giao và hứa sẽ chuyển trả lại số tiền nói trên. Tuy nhiên, cho đến nay phía Công ty A đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty B vẫn không trả lại số tiền đã nhận nói trên. Công ty A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B trả lại số tiền đã nhận 11.070.750 đồng và bồi thường thiệt hại về uy tín cho Công ty A với khách hàng vì đã hủy hợp đồng với số tiền là 9.000.000 đồng. Ngày 22/02/2019, Công ty A đã có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty B bồi thường số tiền 9.000.000 đồng. Công ty A chỉ yêu cầu Tòa án buộc Công ty B trả lại số tiền đã nhận là 11.070.750 đồng.

(2) Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B, không hợp tác với Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng phía bị đơn không có đại diện đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hiện tại Công ty B chưa giải thể và đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ: số 4/5 (số mới 1133/1) đường Kha Vạn Cân, khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù, đã được tổng đạt hợp lệ nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Lương Duy T vẫn giữ nguyên ý kiến như trên. Đại diện của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B tiếp tục vắng mặt mà không có lý do.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ A với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty B có trụ sở đăng ký hoạt động trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa Công ty A và Công ty B có quan hệ mua bán hàng hóa qua điện thoại, hàng hóa các bên thỏa thuận mua bán là 05 cây thép vuông 100 x 5ly và 02 cây thép vuông 75 x 2ly. Bên mua Công ty A đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán trước tiền mua hàng bằng hình thức chuyển khoản theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 03/5/2018 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, nhưng Công ty B không thực hiện nghĩa vụ giao hàng và cũng không trả lại tiền đã nhận. Theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005, quy định về nghĩa vụ của bên bán là phải giao hàng đúng số lượng, chất lượng đã thỏa thuận. Thế nhưng, Công ty B đã nhận tiền mua hàng nhưng không giao hàng là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên bán. Do vậy, Công ty A khởi kiện buộc Công ty B trả lại số tiền đã nhận 11.070.750 đồng là cơ sở chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sở thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ A số tiền 11.070.750 đồng (mười một triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B, không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ A về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ A số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0022657 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Cao Văn Thiên